

Số: /BC-BQLKCN

Đắk Nông, ngày tháng 01 năm 2024

BÁO CÁO

Kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2023, Phương hướng nhiệm vụ năm 2024 và Kết quả chấm điểm thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong chi thường xuyên năm 2023

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH, TỔ CHỨC THỰC HIỆN THTK, CLP

1. Công tác tuyên truyền phổ biến, quán triệt chủ trương của Đảng, quy định của Nhà nước về THTK, CLP

Thường xuyên tuyên truyền, phổ biến, quán triệt đến toàn thể công chức, viên chức, người lao động trong cơ quan các văn bản của Trung ương và địa phương về THTK, CLP như: Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2013; Nghị quyết số 74/2022/QH15 ngày 15/11/2022 của Quốc hội về Đẩy mạnh chính sách, pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; Nghị định số 84/2014/NĐ-CP ngày 08/9/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; Thông tư số 188/2014/TT-BTC ngày 10/12/2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn một số điều của Nghị định số 84/2014/NĐ-CP ngày 8 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; Thông tư số 129/2017/TT-BTC ngày 04/12/2017 của Bộ Tài chính Quy định tiêu chí đánh giá kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong chi thường xuyên; Quyết định số 1658/QĐ-TTg ngày 30/12/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể của Chính phủ về THTK, CLP năm 2023; các Quyết định của UBND tỉnh Đắk Nông: Quyết định số 2407/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 về ban hành Chương trình THTK, CLP tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 45/QĐ-UBND ngày 12/01/2023 về ban hành Chương trình THTK, CLP tỉnh Đắk Nông năm 2023; Công văn số 3640/UBND-KT ngày 28/6/2023 “V/v đẩy mạnh việc thực hiện chính sách, pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2023” và các văn bản chỉ đạo khác của Tỉnh ủy, HĐND và UBND tỉnh.

2. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng và tổ chức thực hiện Chương trình THTK, CLP và việc THTK, CLP của cơ quan

- Triển khai công tác THTK, CLP năm 2023 của cơ quan, ngày 01/02/2023 Ban Quản lý các khu công nghiệp đã ban hành Chương trình số 01/CTr-BQLKCN “Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm

2023” để toàn thể công chức, viên chức và người lao động trong cơ quan thực hiện. Theo đó, đã đề ra một số nhiệm vụ trọng tâm như sau:

+ Thực hiện nghiêm các quy định về công khai tài chính, công khai mua sắm và sử dụng trang thiết bị làm việc.

+ Sử dụng tiết kiệm, hiệu quả trang thiết bị làm việc, điện chiếu sáng,...; không sử dụng xe công vào việc riêng, tiết kiệm xăng xe theo đúng quy định về định mức tiêu thụ nhiên liệu.

+ Sử dụng tiết kiệm, hiệu quả kinh phí được giao năm 2023.

- Tiếp tục rà soát Quy chế chi tiêu nội bộ, Quy chế quản lý tài sản công và một số quy chế khác của cơ quan để sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với quy định mới và thực tiễn của cơ quan để thực hiện.

- Công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước và các nguồn tài chính được giao năm 2023 theo quý, 6 tháng và hàng năm để công chức, người lao động biết, theo dõi, giám sát.

3. Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, kiểm toán về THTK, CLP

Công tác kiểm tra, giám sát về THTK, CLP (Ban Quản lý không có chức năng thanh tra, kiểm toán) được Ban Quản lý thực hiện thường xuyên, thông qua các cuộc họp của cơ quan, chi bộ; niêm yết công khai tại trụ sở cơ quan. Tính đến thời điểm báo cáo, không có công chức, viên chức và người lao động trong cơ quan vi phạm các quy định của pháp luật về THTK, CLP.

II. TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ THỰC HIỆN THTK, CLP

1. Kết quả THTK, CLP

1.1. THTK, CLP trong sử dụng ngân sách; quản lý, sử dụng tài sản công:

Thực hiện nghiêm các quy định về công khai tài chính, công khai mua sắm và sử dụng trang thiết bị làm việc; Việc mua sắm, trang bị, sửa chữa, quản lý, sử dụng phương tiện đi lại và phương tiện, thiết bị làm việc của cơ quan luôn tuân thủ nghiêm các quy định của nhà nước, nội quy, quy chế của cơ quan về mua sắm, quản lý và sử dụng tài sản.

Sử dụng hiệu quả, đúng mục đích và tiết kiệm các trang thiết bị làm việc, điện chiếu sáng, văn phòng phẩm...; không sử dụng xe công vào việc riêng, tiết kiệm xăng xe theo đúng quy định về định mức tiêu thụ nhiên liệu.

Sử dụng tiết kiệm, hiệu quả kinh phí được giao, đảm bảo chi tiêu đúng định mức, đúng mục đích theo quy định.

Thực hiện đúng các định mức, tiêu chuẩn, chế độ chi tiêu theo quy định của pháp luật và Quy chế chi tiêu nội bộ, quản lý sử dụng tài sản công, Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan.

1.2. THTK, CLP trong tổ chức bộ máy, quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động:

- Thực hiện nghiêm các quy định của Nhà nước về quản lý và sử dụng cán bộ, công chức, viên chức và người lao động theo biên chế được giao trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức bộ máy của cơ quan.

- Toàn thể công chức, viên chức và người lao động trong cơ quan luôn chấp hành nghiêm các quy định về thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi và nội quy, quy chế làm việc của cơ quan. Tính đến ngày báo cáo, không có công chức, viên chức và người lao động trong cơ quan vi phạm các quy định của pháp luật về sử dụng thời giờ làm việc.

2. Hành vi lãng phí và kết quả xử lý hành vi lãng phí

Số vụ việc lãng phí đã phát hiện: 0 vụ

Số vụ việc đã được xử lý: 0 vụ

Số lượng công chức, viên chức vi phạm và hình thức xử lý: 0 người.

3. Phân tích đánh giá

3.1. Đánh giá kết quả đạt được:

Tính đến thời điểm báo cáo, Ban Quản lý các khu công nghiệp đã thực hiện hoàn thành các nội dung, chỉ tiêu theo Chương trình THTK, CLP của cơ quan, của UBND tỉnh và quy định của pháp luật về THTK, CLP, không có công chức, viên chức và người lao động vi phạm các quy định về THTK, CLP, cụ thể như sau:

- Kịp thời tuyên truyền, phổ biến các văn bản của cơ quan cấp trên về THTK, CLP đến toàn thể công chức, viên chức và người lao động; đồng thời, cụ thể hóa thành Chương trình của cơ quan để thực hiện.

- Thực hiện nghiêm, đúng quy định của pháp luật về quản lý ngân sách và sử dụng tài sản công.

- Sử dụng hiệu quả, đúng mục đích và tiết kiệm các trang thiết bị làm việc, điện chiếu sáng, văn phòng phẩm...; không sử dụng xe công vào việc riêng, tiết kiệm xăng xe theo đúng quy định về định mức tiêu thụ nhiên liệu của cơ quan.

- Sử dụng tiết kiệm, hiệu quả kinh phí được giao hàng năm, đảm bảo chỉ tiêu đúng định mức, mục đích theo quy định của pháp luật và Quy chế chi tiêu nội bộ, quản lý sử dụng tài sản công, Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan.

- Kịp thời ban hành và áp dụng thực hiện đúng các định mức, tiêu chuẩn, chế độ chi tiêu theo quy định của pháp luật hiện hành.

(có Phụ lục gửi kèm theo)

3.2. Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân:

Nhìn chung các chỉ tiêu đều đạt hoặc thấp hơn so với kế hoạch đề ra, chưa thấy phát sinh hạn chế trong thực hiện

3.3. Những kinh nghiệm rút ra:

Để việc thực hiện THPTK, CLP đạt kết quả tốt ngoài sự quan tâm, chỉ đạo sâu sát, kịp thời của cấp uỷ Chi bộ và lãnh đạo cơ quan, cần có sự đoàn kết, thống nhất của công chức, viên chức và người lao động trong cơ quan.

Thực hiện tốt công tác kiểm tra, giám sát việc THPTK, CLP để có những giải pháp chấn chỉnh, xử lý kịp thời những cá nhân, tập thể có biểu hiện vi phạm những quy định của pháp luật về THPTK, CLP.

Mỗi công chức, viên chức và người lao động trong cơ quan phải luôn xác định việc thực hiện THPTK, CLP là thực hiện nhiệm vụ chính trị quan trọng của cơ quan, và của bản thân để từ đó không ngừng nâng cao ý thức trách nhiệm của cá nhân trong THPTK, CLP góp phần thực hiện tốt chương trình THPTK, CLP của cơ quan đã đề ra.

III. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ NĂM 2024

1. Phương hướng, nhiệm vụ

- Kịp thời phổ biến, quán triệt các văn bản mới của Trung ương và địa phương về THPTK, CLP đến toàn thể công chức, viên chức và người lao động trong cơ quan biết, thực hiện.

- Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả chương trình THPTK, CLP của Chính phủ, UBND tỉnh và cơ quan đã đề ra.

- Kịp thời khen thưởng, động viên, khích lệ những tập thể, cá nhân những công chức, viên chức, người lao động đã có thành tích tốt trong thực hiện Chương trình THPTK, CLP.

2. Giải pháp thực hiện

*** Tiết kiệm chi ngân sách được giao, công khai minh bạch trong việc sử dụng ngân sách nhà nước và các nguồn tài chính khác:**

- Thực hiện nghiêm các quy định về công khai tài chính, công khai mua sắm và sử dụng trang thiết bị làm việc.

- Sử dụng tiết kiệm, hiệu quả trang thiết bị làm việc, điện chiếu sáng..., không sử dụng xe công vào việc riêng, tiết kiệm xăng xe theo đúng quy định về định mức tiêu thụ nhiên liệu của cơ quan.

- Sử dụng tiết kiệm, hiệu quả kinh phí được giao nhằm tăng thu nhập cuối năm cho cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan.

- Công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước và các nguồn tài chính được giao năm 2024 theo quý, 6 tháng và năm để công chức, người lao động biết, theo dõi, giám sát.

*** Kiểm tra việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí:**

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định của pháp luật về THTK, CLP và kiên quyết xử lý nghiêm những công chức, viên chức có hành vi vi phạm trong thực hiện THTK, CLP, nhất là trong việc chi tiêu ngân sách của cơ quan. Đồng thời, kịp thời biểu dương đối với những tập thể, cá nhân thực hiện tốt chương trình THTK, CLP và phát hiện những hành vi gây lãng phí trong cơ quan.

Phần 2

**KẾT QUẢ CHẤM ĐIỂM THTK, CLP TRONG CHI THƯỜNG XUYÊN
NĂM 2023**

Có phụ lục gửi kèm theo

Trên đây là báo cáo kết quả THTK,CLP năm 2023, Phương hướng nhiệm vụ năm 2024 và Kết quả chấm điểm THTK, CLP trong chi thường xuyên năm 2023, Ban Quản lý các khu công nghiệp báo cáo Sở Tài chính tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh./.

Nơi nhận:

- Sở Tài chính (b/c);
- Lãnh đạo Ban;
- Các phòng, đơn vị trực thuộc;
- Lưu: VT, VP (H).

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**

Phạm Xuân Việt

Tên đơn vị: Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Đắk Nông
Mã ĐVQHNS: 1079800

Phụ lục số 02

(Theo Thông tư số 188/2014/TT-BTC ngày 10/12/2014 của Bộ Tài chính)

KẾT QUẢ THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ

Năm 2023

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-BQLKCN ngày tháng 01 năm 2024 của Ban QL các khu công nghiệp)

DVT: Triệu đồng

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của năm trước	Kế hoạch của năm báo cáo	Kết quả năm báo cáo	So sánh với năm trước và kế hoạch		Ghi chú
						So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch	
1	2	3	4	5	6	7=6/4 (%)	8=6/5(%)	9
I	Trong việc ban hành, thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ							
1	Số văn bản quy định tiêu chuẩn, định mức mới được ban hành	văn bản	1	1	1	100%	0%	
2	Số văn bản quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ được sửa đổi, bổ sung	văn bản	1	1	1	100%	0%	
3	Số cuộc kiểm tra việc thực hiện các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ	cuộc	Ban Quản lý các KCN tỉnh không tổ chức các cuộc kiểm tra độc lập mà thực hiện kiểm tra, đánh giá việc thực hiện các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn tại các cuộc họp định kỳ tháng, quý của cơ quan					
4	Số vụ vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã được phát hiện và xử lý	vụ	0	0	0	0	0	
5	Tổng giá trị các vi phạm về chế độ, định mức, tiêu chuẩn được kiến nghị thu hồi và bồi thường (nếu là ngoại tệ, tài sản thì quy đổi thành tiền Việt Nam đồng)	triệu đồng	0	0	0	0	0	
II	Trong lập, thẩm định, phê duyệt dự toán, quyết toán, quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước (NSNN)							
1	Lập, thẩm định, phê duyệt, phân bổ dự toán NSNN	-	0	0	0	0	0	
1.1	Dự toán lập sai chế độ, sai đối tượng, sai tiêu chuẩn, định mức	triệu đồng	0	0	0	0	0	
1.2	Số tiền tiết kiệm dự toán chi thường xuyên theo chỉ đạo, điều hành của Chính phủ	triệu đồng	0	0	0	0	0	
1.3	Số tiền vi phạm đã xử lý, cắt giảm dự toán	triệu đồng	0	0	0	0	0	
1.4	Các nội dung khác		0	0	0	0	0	
2	Sử dụng và thanh quyết toán NSNN	-						

2.1	Tiết kiệm chi quản lý hành chính, gồm:	-	0	0	0	0	0	
	<i>Tiết kiệm văn phòng phẩm</i>	<i>triệu đồng</i>	0	0	0	0%	0%	
	<i>Tiết kiệm cước phí thông tin liên lạc</i>	<i>triệu đồng</i>	0	0	0	0%	0%	
	<i>Tiết kiệm sử dụng điện</i>	<i>triệu đồng</i>	0	0	0	0%	0%	
	<i>Tiết kiệm xăng, dầu</i>	<i>triệu đồng</i>	0	0	0	0%	0%	
	<i>Tiết kiệm nước sạch</i>	<i>triệu đồng</i>	0	0	0	0%	0%	
	<i>Tiết kiệm công tác phí</i>	<i>triệu đồng</i>	0	0	0	0%	0%	
	<i>Tiết kiệm trong tổ chức hội nghị, hội thảo</i>	<i>triệu đồng</i>	0	0	0	0%	0%	
	<i>Tiết kiệm chi tiếp khách, khánh tiết, lễ hội, kỷ niệm</i>	<i>triệu đồng</i>	0	0	0	0%	0%	
	<i>Tiết kiệm trong mua sắm, sửa chữa tài sản, trang thiết bị làm việc, phương tiện thông tin, liên lạc</i>	<i>triệu đồng</i>	0	0	0	0	0	
2.2	Tiết kiệm trong mua sắm, sửa chữa phương tiện đi lại (ô tô, mô tô, xe gắn máy)		0	0	0	0	0	
a	Số tiền sửa chữa, mua mới phương tiện đi lại đã chi	triệu đồng	0	0	0	0	100%	
b	Kinh phí tiết kiệm được, gồm:		0	0	0	0	0	
	<i>Thẩm định, phê duyệt dự toán</i>	<i>triệu đồng</i>	0	0	0	0	0	
	<i>Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh...</i>	<i>triệu đồng</i>	0	0	0	0	0	
	<i>Thương thảo hợp đồng</i>	<i>triệu đồng</i>	0	0	0	0	0	
	<i>Các nội dung khác</i>		0	0	0	0	0	
2.3	Tiết kiệm do thực hiện cơ chế khoán chi, giao quyền tự chủ cho cơ quan, tổ chức	triệu đồng	0	0	0	0	0	
2.4	Tiết kiệm kinh phí chương trình mục tiêu quốc gia	triệu đồng	0	0	0	0	0	
2.5	Tiết kiệm kinh phí nghiên cứu khoa học, công nghệ	triệu đồng	0	0	0	0	0	
2.6	Tiết kiệm kinh phí giáo dục và đào tạo	triệu đồng	0	0	0	0	0	
2.7	Tiết kiệm kinh phí y tế	triệu đồng	0	0	0	0	0	
3	Sử dụng, quyết toán NSNN lãng phí, sai chế độ		0	0	0	0	0	
3.1	Tổng số cơ quan, tổ chức sử dụng NSNN	đơn vị	1	1	1	1	1	
3.2	Số lượng cơ quan, tổ chức sử dụng NSNN lãng phí, sai chế độ đã phát hiện được	đơn vị	0	0	0	0	0	
3.3	Số tiền vi phạm đã phát hiện	triệu đồng	0	0	0	0	0	
4	Các nội dung khác		0	0	0	0	0	

III Trong mua sắm, sử dụng phương tiện đi lại và phương tiện, thiết bị làm việc của cơ quan, tổ chức trong khu vực nhà nước								
1	Phương tiện đi lại (ô tô, mô tô, xe gắn máy)		04	0	04	100	0	
1.1	Số lượng phương tiện hiện có đầu kỳ	chiếc	04	0	04	100	0	
1.2	Số lượng phương tiện tăng thêm trong kỳ (mua mới, nhận điều chuyển)	chiếc	0	0	0	0	0	
1.3	Số lượng phương tiện giảm trong kỳ (thanh lý, điều chuyển)	chiếc	0	0	0	0	0	
1.4	Số lượng phương tiện sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	chiếc	0	0	0	0	0	
1.5	Số tiền xử lý vi phạm về sử dụng phương tiện đi lại	triệu đồng	0	0	0	0	0	
2	Tài sản khác							
2.1	Số lượng các tài sản khác được thanh lý, sắp xếp, điều chuyển, thu hồi	tài sản	0	0	0	0	0	
2.2	Số lượng tài sản trang bị, sử dụng sai mục đích, sai chế độ phát hiện được	tài sản	0	0	0	0	0	
2.3	Số tiền xử lý vi phạm về quản lý, sử dụng tài sản	triệu đồng	0	0	0	0	0	
3	Các nội dung khác		0	0	0	0	0	
IV Trong đầu tư xây dựng; quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, nhà ở công vụ và công trình phúc lợi công cộng								
1	Trong đầu tư xây dựng							
1.1	Số lượng dự án chưa cần thiết đã cắt giảm	dự án	0	0	0	0	0	
1.2	Số kinh phí tiết kiệm được, gồm:	triệu đồng	0	0	0	0	0	Tiết kiệm so với dự toán được phê duyệt
	- Thẩm định, phê duyệt dự án, tổng dự toán	triệu đồng	0	0	0	0	0	
	- Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh...	triệu đồng	0	0	0	0	0	
	- Thực hiện đầu tư, thi công	triệu đồng	0	0	0	0	0	
	- Thẩm tra, phê duyệt quyết toán	triệu đồng	0	0	0	0	0	
1.3	Số vốn chậm giải ngân so với kế hoạch	triệu đồng	0	0	0	0	0	
1.4	Các dự án thực hiện chậm tiến độ	dự án	0	0	0	0	0	
1.5	Các dự án hoàn thành không sử dụng được hoặc có vi phạm pháp luật bị đình chỉ, huỷ bỏ		0	0	0	0	0	
	Số lượng	dự án	0	0	0	0	0	
	Giá trị đầu tư phải thanh toán	triệu đồng	0	0	0	0	0	
2	Trụ sở làm việc							

2.1	Tổng diện tích trụ sở hiện có đầu kỳ	m2	770	0	770	100%	0	
2.2	Diện tích trụ sở tăng thêm do xây dựng, mua mới, nhận điều chuyển	m2	0	0	0	0	0	
2.3	Diện tích trụ sở giảm do thanh lý, điều chuyển, sắp xếp lại	m2	0	0	0	0	0	
2.4	Diện tích trụ sở sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	m2	0	0	0	0	0	
2.5	Diện tích trụ sở sử dụng sai chế độ đã xử lý	m2	0	0	0	0	0	
2.6	Số tiền xử lý vi phạm, thanh lý trụ sở thu được	triệu đồng	0	0	0	0	0	
VI	Trong tổ chức bộ máy, quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động trong khu vực nhà nước							
1	Số lượng vụ việc vi phạm trong quản lý, sử dụng lao động, thời gian lao động	vụ	0	0	0	0	0	
2	Số tiền xử lý vi phạm thu được	triệu đồng	0	0	0	0	0	
3	Các nội dung khác		0	0	0	0	0	
IX	Kết quả công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, kiểm toán về THTK, CLP							
1	Tổng số cuộc kiểm tra về THTK, CLP đã triển khai thực hiện	cuộc	Ban Quản lý các KCN tỉnh không tổ chức các cuộc kiểm tra độc lập mà thực hiện kiểm tra, đánh giá việc thực hiện THTK, CLP tại các cuộc họp định kỳ của cơ quan					
2	Tổng số cuộc thanh tra, kiểm tra về THTK, CLP đã hoàn thành	cuộc	0	0	0	0	0	0
3	Tổng giá trị tiền, tài sản bị lãng phí, sử dụng sai chế độ phát hiện được qua thanh tra, kiểm tra, giám sát	triệu đồng	0	0	0	0	0	0
4	Tổng giá trị tiền, tài sản lãng phí, vi phạm đã xử lý, thu hồi	triệu đồng	0	0	0	0	0	0

PHỤ LỤC SỐ 01-A

**BẢNG TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG
LÃNG PHÍ TRONG CHI THƯỜNG XUYÊN CỦA BAN QUẢN LÝ CÁC KHU
CÔNG NGHIỆP
NĂM 2023**

(Kèm theo Báo cáo số BC- BQLKCN, ngày /01/2024 của Ban Quản lý các khu công nghiệp)

STT	Nội dung/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá
	Tổng cộng (A+B+C)	100	100
A.	Một số tiêu chí tiết kiệm trong chi thường xuyên (A=I+II+III)	70	70
I	Kết quả tiết kiệm một số chỉ tiêu cụ thể	55	55
1	Chi sách, báo, tạp chí	6	6
2	Chi cước phí thông tin liên lạc	6	6
3	Chi sử dụng điện	6	6
4	Chi xăng, dầu	6	6
5	Chi sử dụng nước	6	6
6	Chi tổ chức hội nghị, hội thảo, tọa đàm, họp	6	6
7	Chi tiếp khách, khánh tiết, lễ hội, lễ kỷ niệm	6	6
8	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản, trang thiết bị làm việc, phương tiện thông tin liên lạc	6	6
9	Chi thực hiện các nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao (bao gồm: kinh phí thực hiện các nhiệm vụ đột xuất được cấp có thẩm quyền giao; Kinh phí bố trí để thực hiện các nhiệm vụ đặc thù như: Kinh phí tổ chức các hội nghị, hội thảo quốc tế được bố trí kinh phí riêng; kinh phí thực hiện các Đề án, Chương trình được cấp có thẩm quyền phê duyệt)	7	7
II	Thực hiện khoán kinh phí sử dụng xe ô tô đối với các chức danh lãnh đạo có tiêu chuẩn sử dụng xe ô tô khi đi công tác theo quy định pháp luật của cấp có thẩm quyền (trường hợp đơn vị sử dụng ngân sách không có chức danh lãnh đạo có đủ tiêu chuẩn sử dụng xe ô tô thì được điểm tối đa tiêu chí này)	5	5
	Đã thực hiện khoán	5	5
	Chưa thực hiện khoán	0	
III	Kết quả thực hiện chỉ tiêu giảm biên chế theo kế hoạch, chỉ tiêu được cấp có thẩm quyền giao	10	10
	Thực hiện đúng kế hoạch, chỉ tiêu theo quy định	10	10
	Không thực hiện đúng kế hoạch, chỉ tiêu theo quy định	0	

B.	Kết quả tiết kiệm tổng kinh phí quản lý hành chính giao để thực hiện chế độ tự chủ đối với cơ quan nhà nước (loại trừ số kinh phí đã thực hiện tiết kiệm để cải cách tiền lương)	30	30
1	Tiết kiệm dưới 5% so với dự toán kinh phí được giao	10	
2	Tiết kiệm trên 5% đến 9% so với dự toán kinh phí được giao	20	
3	Tiết kiệm trên 9% so với dự toán kinh phí được giao	30	30
C.	Đánh giá việc thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ trong chi thường xuyên		
1	Có khoản chi bị Kho bạc nhà nước từ chối thanh toán do chi sai định mức, tiêu chuẩn, chế độ.	-5	0
2	Có khoản chi bị cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán phát hiện chi sai định mức, tiêu chuẩn, chế độ.	-5	0
3	Có trường hợp khác bị phát hiện chi sai định mức, tiêu chuẩn, chế độ.	-5	0